

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2025.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Tư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/. Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh

2/. Ông Phạm Thanh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thanh Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 365/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16/12/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2024 của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng Đ và lời trình bày của bà Đ tại phiên tòa thì: Bà và ông Trần Minh T được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2009, ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2022. Quá trình sống chung ông, bà có 02 người con chung tên Trần Lê Kim Th, sinh ngày 24/08/2010 và Trần Lê Phương Q, sinh ngày 23/10/2021 đang sống chung với bà Đ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà có thời gian dài chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông, bà thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung, hôn nhân không còn hạnh phúc.

Bà Lê Thị Hồng Đ nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần Lê Kim Th, sinh ngày 24/08/2010 và Trần Lê Phương Q, sinh ngày 23/10/2021, không yêu cầu ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Trần Minh T và giao con chung tên Trần Lê Kim Th, Trần Lê Phương Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng Đ và ông Trần Minh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2022 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp, đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 và quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bà Lê Thị Hồng Đ kiên quyết ly hôn với ông Trần Minh T, bà cho rằng quá trình sống chung bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông bà thường xuyên cãi nhau và không còn tiếng nói chung, bà nhận thấy đời sống hôn nhân giữa bà và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh T. Về phía ông T, mặc dù đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà trên cơ sở sự động viên, hàn gắn của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Đồng thời, từ lúc bà Đ khởi kiện đến nay ông T và bà Đ cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Thấy rằng, hôn nhân của hai bên được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, quá trình sống chung hai bên phát sinh mâu thuẫn, nay bà Đ không tự nguyện tiếp tục sống chung với ông T và hai bên cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy,

Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Lê Thị Hồng Đ yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Hồng Đ và ông Trần Minh T có hai người con chung tên Trần Lê Kim Th, sinh ngày 24/08/2010 và Trần Lê Phương Q, sinh ngày 23/10/2021, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, còn ông T không có ý kiến, yêu cầu liên quan đến việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Th đang sống chung với bà Đ và có nguyện vọng sống chung với bà Đ, còn cháu Q là nữ, còn nhỏ và đang sống chung với bà Đ, do đó để ổn định môi trường sống cho các cháu, tránh làm ảnh hưởng về mặt tâm lý nên cần giao cháu Th và cháu Q cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Minh T không phải thực hiện hiện vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Thị Hồng Đ không yêu cầu.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Minh T, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hồng Đ và ông Trần Minh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng Đ.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Trần Minh T.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Lê Kim Th, sinh ngày 24/08/2010 và Trần Lê Phương Q, sinh ngày 23/10/2021 cho bà Lê Thị Hồng Đ trực

tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu Trần Lê Kim Th và cháu Trần Lê Phương Q đủ 18 tuổi. Ông Trần Minh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Minh T, không ai được quyền ngăn cản.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hồng Đ và ông Trần Minh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0009177 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê Thị Hồng Đ đã nộp đủ tiền án phí. Ông Trần Minh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã K, h. Kế Sách, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Thị Tư**

